

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm sau khi HSBC nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam lên 6.9%, tăng 0.3 điểm phần trăm so với trước đó

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm vào cuối phiên tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CNG, STK

[Cập nhật công ty]

POW

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục bán hạ tỷ trọng về ngưỡng an toàn trong các nhịp hồi sớm

07/7/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,166.48	+1.47
VN30	1,229.23	+1.43
HĐTL VN30F1M	1,225.00	+0.57
HNXIndex	271.86	-0.02
HNX30	474.10	+0.19
UPCoM	86.38	+0.19
USD/VND	23,380	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.24	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.78	+14
Dầu (WTI, \$)	98.24	-0.29
Vàng (LME, \$)	1,743.03	+0.24



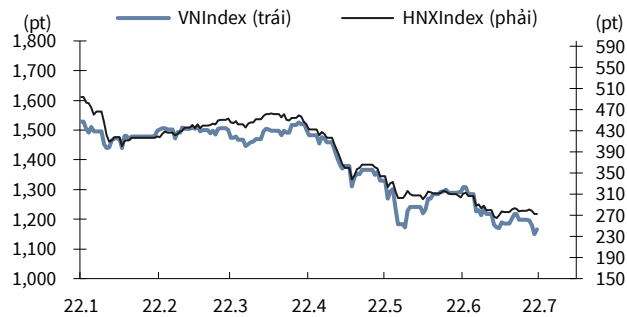
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,166.48 (+1.47%)
KLGD (triệu CP)	411.8 (-12.2%)
GTGD (triệu US\$)	387.6 (-27.9%)
HNXIndex	271.86 (-0.02%)
KLGD (triệu CP)	47.4 (-27.2%)
GTGD (triệu US\$)	30.9 (-37.1%)
UPCoM	86.38 (+0.19%)
KLGD (triệu CP)	28.0 (-56.0%)
GTGD (triệu US\$)	21.5 (-55.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +20.6

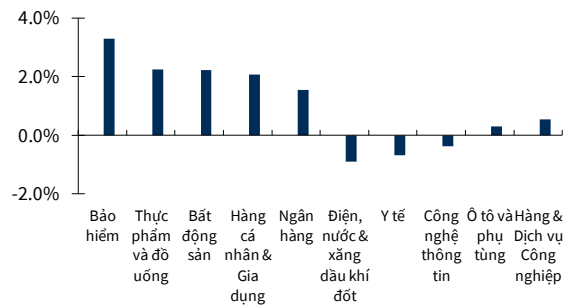
TTCK tăng điểm sau khi HSBC nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam lên 6.9%, tăng 0.3 điểm phần trăm so với trước đó. Mizuho Bank cho biết nỗi lo suy thoái tàn phá nhu cầu dầu mỏ toàn cầu phủ bóng thị trường, bên cạnh đó, số lượng hợp đồng tương lai mở đối với dầu WTI giảm xuống ngưỡng thấp nhất nhiều năm khiến cho thị trường lao dốc, khiến cổ phiếu dầu khí giảm PVS (-1.3%), PVD (-2.9%). ING Groep (Hà Lan) cho biết nhu cầu than tăng được dẫn đầu bởi châu Âu với việc đẩy mạnh mua than để đảm bảo cung cấp năng lượng cho các hộ gia đình và nhà máy sau khi Nga cắt nguồn cung cấp khí đốt, khiến giá than tăng, cổ phiếu ngành than tăng ở NBC (+1.4%), TMB (+1.1%). Khối ngoại mua ròng ở VNM (+3.3%), VND (+0.6%), VCB (+3.7%).

VNIndex & HNXIndex



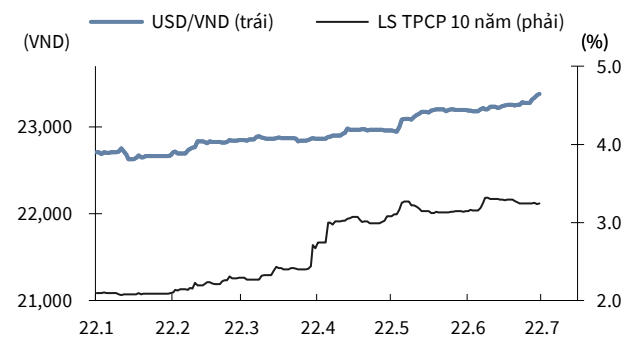
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



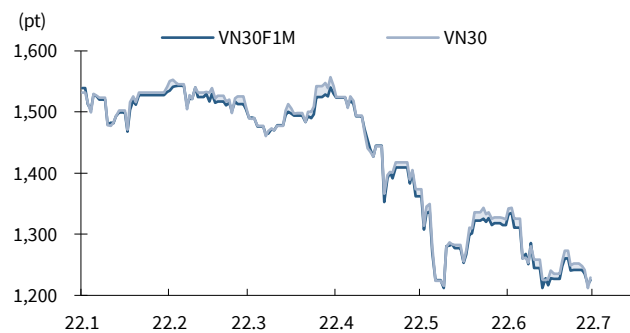
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,229.23 (+1.43%)
VN30F1M	1,225.0 (+0.57%)
Mở cửa	1,215.7
Cao nhất	1,226.2
Thấp nhất	1,213.0
KLGD (HĐ)	321,935 (-19.5%)

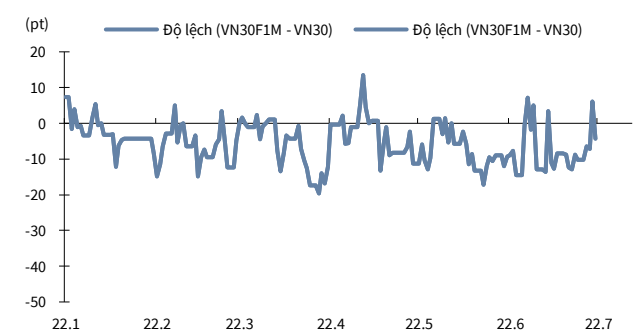
Các HĐTL tăng điểm vào cuối phiên tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2207 và chỉ số VN30 biến động tích cực với biên độ dương trong khoảng 0 – 6.46 điểm trong hầu hết phiên giao dịch cho thấy nhà đầu tư đã lạc quan hơn về diễn biến ngắn hạn của thị trường trước khi đóng cửa giảm xuống mức -4.23 điểm do VN30 tăng mạnh trong phiên ATC. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



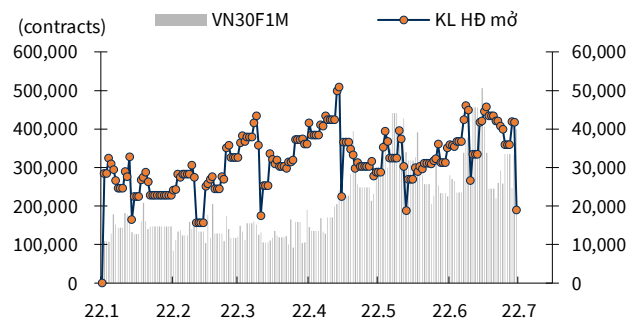
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



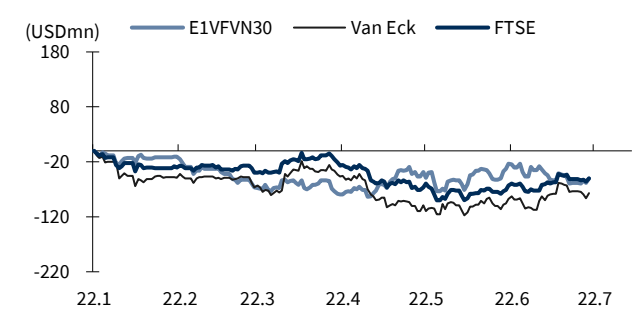
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

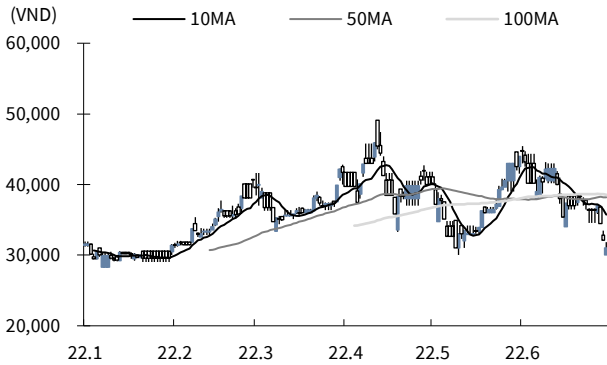
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

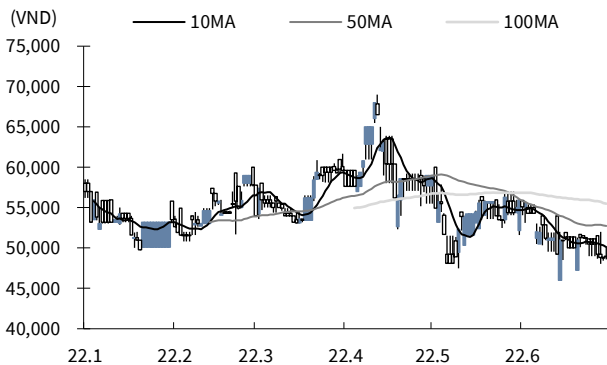
CTCP CNG Việt Nam (CNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CNG giảm 0.32% xuống 31,000 VND/cp
- CTCP CNG Việt Nam công bố kết quả kinh doanh quý II, CNG ghi nhận doanh thu thuần 1,160,3 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 47.01 tỷ đồng, tăng lần lượt 40% và 54% so với cùng kỳ. Sản lượng khí 6 tháng đầu năm là 154.94 triệu Sm³, hoàn thành 54% kế hoạch.

CTCP Sợi Thế Kỷ (STK)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- STK tăng 0.41% lên 49,000 VND/cp
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCK) đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Sợi Thế Kỷ, ngày cấp 4/7. Theo đó, doanh nghiệp sẽ thực hiện chào bán hơn 13,6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp, tỷ lệ thực hiện 20%. Thời gian phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận.
- Với giá 10,000 đồng/cp, doanh nghiệp sợi dự thu về 136 tỷ đồng cho mục tiêu tăng vốn công ty con – Công ty TNHH Sợi, Dệt, Nhuộm Unitex để đầu tư nhà máy sản xuất sợi, chỉ, vải, dệt nhuộm Unitex.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí

Cập nhật Analyst Meeting

Chúng tôi đã tham gia Analyst Meeting của POW và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD 1H2022 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

1H2022 Doanh thu và LNST hợp nhất giảm 7.7% và 19.0% YoY

— Theo KQKD sơ bộ 1H2022 do POW công bố, doanh thu hợp nhất của POW đạt 14,865 tỷ VND (-7.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 1,159 tỷ VND (-19.0% YoY). Sản lượng điện sản xuất 1H2022 của POW đạt 7,152 triệu kWh (-24.5% YoY). Sản lượng thấp kéo và giá khí tăng cao kéo theo sự sụt giảm về KQKD của POW. Mặc dù các nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 và 2 cũng như cụm thủy điện có sản lượng điện sản xuất tích cực, tuy nhiên không bù đắp được sự sụt giảm từ 2 nhà máy lớn của POW là Cà Mau 1&2 và Vũng Áng 1 do tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào để sản xuất điện và máy móc gặp sự cố chưa được sửa chữa hoàn thiện. Chúng tôi nhận thấy đây là một rủi ro giảm giá mục tiêu do KQKD không như kì vọng, dù cần xem xét cụ thể hơn.

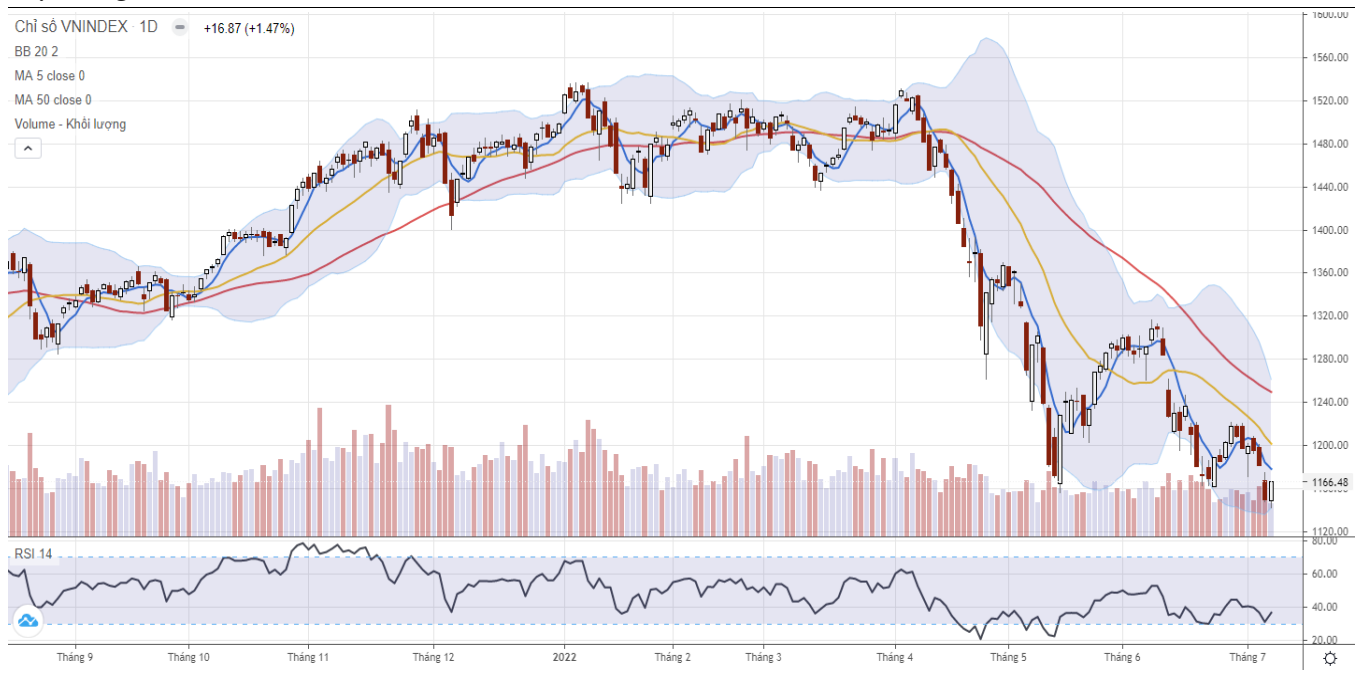
Cập nhật tiến độ dự án Nhiệt điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4

- Theo như quan sát của chúng tôi trên thực địa và thông tin từ BLĐ, Nhơn Trạch 3&4 đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và bắt đầu công việc san lấp đất trong khi chờ quy hoạch nhà máy cụ thể được Bộ Công thương phê duyệt, BLĐ kì vọng 2 nhà máy Nhơn Trạch 3&4 sẽ lần lượt đi vào vận hành thương mại trong Quý 4/2024 và Quý 2/2025.
- BLĐ cho biết POW đã thảo luận về hợp đồng mua bán khí LNG dài hạn với PV GAS qua kho LNG Thị Vải và kì vọng hợp đồng mua bán điện (PPA) và hợp đồng mua bán khí (GSA) sẽ được hoàn thành trong năm 2022. POW cũng cho biết đang đàm phán với EVN về hợp đồng mua bán điện với kì vọng 80-90% sản lượng điện sẽ được bán cho EVN qua hợp đồng mua bán điện (PPA) với toàn bộ biến động giá khí LNG sẽ được chuyển qua giá bán cho EVN – tương tự như cơ chế mua bán điện cho các nhà máy điện khí và than hiện tại.
- Về tình hình giá LNG, BLĐ POW cho rằng giá khí và giá LNG đang bị ảnh hưởng từ cuộc xung đột Nga – Ukraine, dẫn tới giá LNG tăng mạnh, đạt 30 USD/MMBTU với giá LNG giao ngay và 15 USD/MMBTU với các hợp đồng dài hạn. Dựa trên dự báo giá LNG dài hạn của Wood Mackenzie, BLĐ cho rằng giá LNG trong dài hạn sẽ giảm và có thể cạnh tranh được với các loại hình nguồn điện khác. Hợp đồng cung cấp LNG giữa POW và PV GAS dự kiến sẽ có thời hạn 15 năm để đảm bảo mức giá cạnh tranh cho sản xuất và phát điện của POW.
- Về vấn đề huy động vốn, POW cho biết công ty đã chuẩn bị kế hoạch kinh doanh dài hạn tới năm 2030 cùng với mức xếp hạng tín nhiệm BB với triển vọng tích cực từ Fitch sẽ giúp công ty tài trợ cho dự án bằng việc vay nợ ngân hàng với tổng gói vay trị giá khoảng 900 triệu USD và VCSH 300 triệu USD. Công ty kì vọng mức lãi suất huy động được sẽ ở mức hấp dẫn trong mặt bằng môi trường lãi suất biến động như hiện nay.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

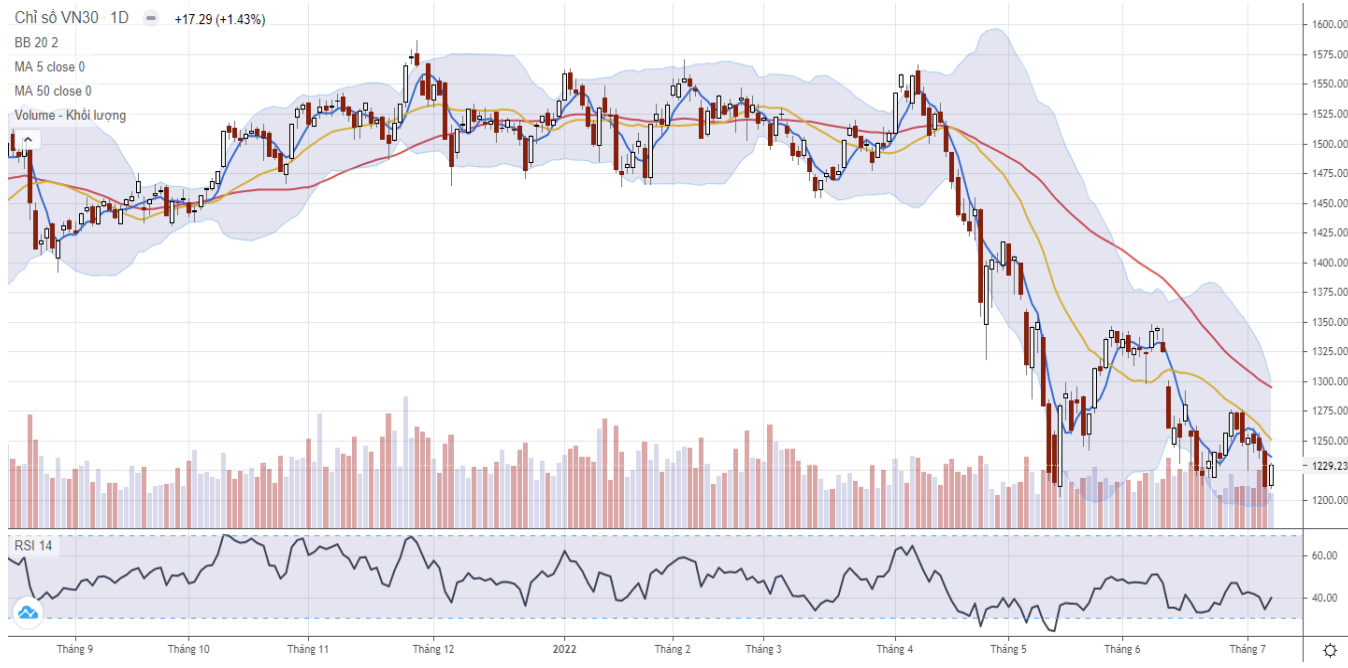
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp điều chỉnh giảm co đầu phiên, VNIndex dần hồi phục và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy sớm nhập cuộc giúp cho chỉ số tránh được nhịp giảm sâu và để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong ngắn hạn. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNIndex nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung quanh ngưỡng 118x, hiện đã đảo vai trò trở thành vùng kháng cự gần của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục bán hạ tỷ trọng về ngưỡng an toàn trong các nhịp hồi sớm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1243 - 1245

Kháng cự gần: 1232- 1235

Hỗ trợ gần: 1208 - 1212

Hỗ trợ xa: 1198 - 1202

— Sau nhịp điều chỉnh giảm co trong phiên, F1 dần hồi phục và mở rộng đà tăng về cuối phiên.

— Lực cầu bắt đáy sớm nhập cuộc giúp cho chỉ số tránh được nhịp giảm sâu và để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong ngắn hạn. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung quanh ngưỡng 1230 (+5) hiện đã đảo vai trò trở thành vùng kháng cự gần của chỉ số.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

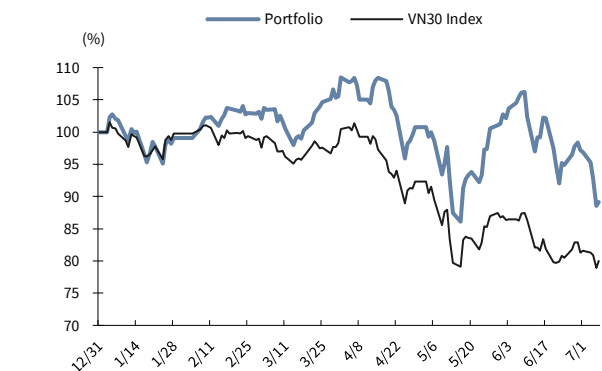
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.43%	0.66%
Tăng lũy kế (YTD)	-19.96%	-10.89%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/07/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	64,000	0.0%	65.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	22,500	-1.7%	-21.1%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,000	3.6%	51.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	163,000	0.9%	-15.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	75,400	2.3%	155.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,100	-0.5%	242.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,300	1.7%	39.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,100	-1.8%	28.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,750	1.4%	95.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	31,700	0.6%	208.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	3.3%	54.4%	121.2
VND	0.6%	17.7%	54.8
VCB	3.7%	23.5%	41.4
CTG	1.7%	26.5%	34.1
VHC	2.0%	27.2%	29.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
KDC	0.7%	22.7%	-7.0
DPM	1.9%	16.4%	-16.7
FUEVFNVD	3.0%	97.7%	-35.7
DCM	2.1%	9.8%	-14.7
E1VFN30	0.2%	93.2%	-8.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	3.6%	4.2%	2.2
PCG	8.8%	42.4%	0.6
PVS	-1.4%	8.9%	0.4
SD5	-1.1%	3.6%	0.3
ONE	4.6%	5.3%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	0.0%	12.3%	-1.9
BVS	1.1%	7.9%	-1.6
VCS	-1.5%	3.2%	-0.5
SHS	-0.7%	7.1%	-0.4
PVI	2.3%	58.5%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	2.6%	BID, TCB
Bảo hiểm	2.5%	BVH, PGI
Dịch vụ tài chính	1.8%	HCM, VCI
Du lịch và Giải trí	-0.6%	HVN, SKG
Y tế	-1.0%	DMC, OPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-12.2%	GAS, POW
Bán lẻ	-10.7%	MWG, FRT
Hóa chất	-9.9%	GVR, DGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.6%	PNJ, MSH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-7.1%	REE, GMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.2%	BVH, PGI
Ngân hàng	-3.4%	BID, SSB
Thực phẩm và đồ uống	-5.3%	VNM, HAG
Du lịch và Giải trí	-5.6%	VJC, SKG
Y tế	-7.2%	OPC, DMC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-24.6%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-20.6%	GAS, POW
Dầu khí	-20.4%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	-18.7%	VND, SSI
Bán lẻ	-18.0%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	133,239 (5.7)	22.5	77.4	32.9	14.7	3.5	7.5	2.6	2.4	3.4	-5.0	10.5	-26.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	191,744 (8.2)	26.6	8.3	7.0	35.9	22.8	21.9	1.7	1.4	3.2	-1.8	10.9	-25.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	54,111 (2.3)	17.8	27.3	18.5	-7.6	7.2	9.8	1.9	1.8	3.8	-5.4	-9.7	-10.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	198,255 (8.5)	31.3	26.4	20.9	6.7	15.1	16.4	3.6	3.1	0.8	-0.7	-2.6	-18.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	29,604 (1.3)	11.6	18.9	15.4	13.7	12.9	17.2	2.2	2.0	1.6	0.7	-3.1	-23.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	172,474 (7.4)	13.9	10.6	10.5	-	13.5	11.6	1.2	1.2	1.8	2.1	-8.1	-43.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	76,165 (3.3)	6.3	13.3	11.1	11.7	21.3	21.8	2.6	2.2	3.7	0.9	-6.8	-4.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	56,332 (2.4)	12.7	14.5	11.9	-5.3	16.0	17.2	1.9	1.6	2.0	8.4	8.0	-2.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	185,757 (8.0)	0.0	6.1	5.1	14.3	20.9	19.9	1.2	1.0	0.5	6.3	4.4	-24.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	102,413 (4.4)	1.4	7.2	6.0	50.3	18.3	20.5	1.1	1.0	1.7	0.6	-4.0	-22.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	276,619 (11.9)	0.0	6.6	6.4	18.8	21.1	17.1	1.3	1.0	0.3	-0.3	-5.1	-19.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	225,289 (9.7)	0.0	6.1	4.9	14.6	24.1	22.9	1.2	1.0	0.8	3.7	-6.9	-13.1
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	48,765 (2.1)	4.2	6.5	5.5	23.3	22.4	21.2	1.3	1.1	0.6	0.0	-5.1	-22.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	339,194 (14.6)	14.0	11.4	10.3	26.5	11.6	14.9	1.1	1.0	0.4	5.1	11.9	-28.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	61,772 (2.7)	0.0	11.9	6.6	37.4	22.3	21.0	1.4	1.1	1.9	1.1	-7.3	-33.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,705 (0.4)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	-2.0	-2.0	2.8	-7.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	78,896 (3.4)	21.0	17.2	14.1	15.8	9.0	11.9	1.8	1.6	3.8	4.8	-2.0	-1.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	11,644 (0.5)	14.2	13.3	10.8	9.1	13.0	15.2	1.5	1.4	0.0	-7.8	18.5	-37.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	342,128 (14.7)	55.4	6.9	6.5	-3.2	19.3	16.4	1.1	1.0	0.5	1.6	27.9	-60.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	146,601 (6.3)	71.9	7.8	7.5	-4.0	24.7	20.6	1.6	1.5	1.9	8.0	-8.8	-51.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	95,535 (4.1)	52.4	8.3	8.0	-19.0	18.2	15.9	1.3	1.2	3.1	15.8	2.6	-48.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	411,539 (17.7)	27.2	7.6	6.4	36.3	25.7	24.3	1.8	1.4	0.6	1.7	25.9	-46.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	164,753 (7.1)	42.1	16.7	15.3	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	3.3	1.1	3.4	-15.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	15,825 (0.7)	36.9	23.4	19.5	7.3	20.0	21.3	4.2	3.8	2.4	1.0	-2.3	3.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	102,381 (4.4)	16.5	22.6	18.1	-51.9	18.2	21.2	3.7	3.0	3.0	-8.0	12.6	-27.7
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	25,587 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	1.6	18.5	-58.5	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	83,278 (3.6)	11.0	53.9	19.0	-88.5	8.9	21.6	-	-	1.7	-0.5	2.0	0.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	147,688 (6.4)	10.8	17.7	14.4	-57.0	11.8	13.3	2.0	1.9	2.5	-9.2	23.1	-0.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	64,544 (2.8)	38.4	5.9	28.9	65.7	14.1	2.6	0.8	0.8	2.7	6.9	18.5	-63.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	18,717 (0.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.9	9.0	1.3	-76.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	208,302 (9.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.8	-2.6	16.6	-53.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	27,844 (1.2)	3.6	58.3	15.7	-52.4	1.1	3.4	0.5	0.5	6.9	9.9	6.7	-46.0
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	138,446 (6.0)	0.0	11.7	10.4	-4.5	15.8	14.1	1.7	1.7	2.3	12.5	21.5	25.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	174,308 (7.5)	46.1	13.6	13.2	-17.5	23.4	22.0	3.1	2.8	-1.8	-	-	27.6	-2.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	81,150 (3.5)	31.4	11.1	10.4	-10.5	15.0	14.8	1.5	1.5	2.7	-7.3	-9.8	-	-12.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,472 (0.1)	34.1	20.9	9.3	-5.1	5.9	12.5	-	-	-0.3	-1.4	12.4	-	-28.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	561,475 (24.2)	18.0	4.5	4.6	21.9	27.9	22.9	1.1	0.9	1.4	-2.5	14.8	-	-39.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	247,213 (10.6)	36.5	4.3	6.9	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	1.9	13.7	34.8	-	-12.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	236,110 (10.2)	46.5	5.1	7.3	-4.5	35.7	20.6	1.5	1.4	2.1	17.6	36.5	-	-26.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	143,820 (6.2)	38.9	3.6	4.2	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	0.9	7.5	15.4	-	-53.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	44,792 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.4	-1.8	-7.9	-	-45.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	36,321 (1.6)	4.6	18.2	14.8	-51.0	11.0	12.3	1.9	1.7	2.1	-3.2	16.5	-	-27.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	161,167 (6.9)	39.9	27.9	13.9	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.5	-2.9	-9.6	36.2	-	-39.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	75,640 (3.3)	35.9	7.8	7.2	2.2	13.2	13.6	1.1	1.1	-1.9	-8.4	20.4	-	-23.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	274,948 (11.8)	0.0	16.1	14.2	14.4	26.0	26.0	3.9	3.5	0.0	10.5	16.3	-	-5.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	130,121 (5.6)	0.0	18.4	14.6	2.4	22.8	22.7	3.3	2.7	3.6	-9.7	-9.4	-	20.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,000 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.7	3.1	-5.7	-	-9.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	147,823 (6.4)	30.3	16.8	14.6	-75.2	30.0	27.0	4.5	3.5	5.5	13.9	18.3	-	17.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,778 (1.5)	34.6	8.6	10.0	41.2	33.0	24.6	2.5	2.2	0.5	-5.1	11.9	-	-13.5
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	871 (0.0)	45.4	13.9	12.9	10.7	21.3	20.6	2.7	2.4	0.0	-0.5	-4.5	-	-22.7
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	197,789 (8.5)	0.0	17.4	14.3	15.5	26.8	28.3	4.4	3.7	-0.5	-3.6	13.7	-	7.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.